

UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SXD

Khánh Hòa, ngày tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

#### GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG KHÁNH HÒA

Căn cứ Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng Khánh Hòa; Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 12/05/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Sở Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Văn phòng Sở,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho Văn phòng Sở Xây dựng theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Giám đốc đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Kế toán trưởng, Giám đốc đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### GIÁM ĐỐC

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN K.Hòa;
- Văn phòng Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, VP, Hồng.

**Trần Văn Châu**

## PHỤ LỤC

### DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2025

**Đơn vị: Văn phòng Sở Xây dựng - 1021449**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày /01/2025 của Sở Xây dựng  
Khánh Hòa)

#### A- DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

Đơn vị tính: đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí sử dụng
	<b>Chi quản lý nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>	<b>13.804.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ - Nguồn 13</b>	<b>8.059.000.000</b>
1	Kinh phí tiền lương theo ND 38/2019/ND-CP	5.697.000.000
2	Kinh phí tiền lương hợp đồng lao động (thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ)	230.000.000
3	Kinh phí hoạt động theo định mức	2.132.000.000
<b>II</b>	<b>Kinh phí cải cách tiền lương – Nguồn 13</b>	<b>3.487.000.000</b>
1	Kinh phí tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP	1.185.000.000
2	Kinh phí tiền lương theo ND 73/2024/ND-CP	2.065.000.000
3	Kinh phí tiền lương từ tiết kiệm 10% chi thường xuyên	237.000.000
<b>III</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ - Nguồn 12</b>	<b>2.258.000.000</b>
1	Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	72.000.000
2	Quỹ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	526.000.000
3	Trang phục thanh tra	70.000.000
4	Bồi dưỡng CBCC làm công tác tiếp công dân theo Nghị quyết 09/2017/NQ-HĐND	50.000.000
5	Kinh phí hỗ trợ công chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết 23/2023/NQ-HĐND	22.000.000
6	Kinh phí lập và công bố chỉ số giá xây dựng	360.000.000
7	Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo chính sách nhà ở và Thị trường BĐS	45.000.000
8	Kinh phí của Hội đồng xác định giá bán nhà ở cũ	11.000.000
9	Kinh phí Hội đồng xét cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng cho các tổ chức và cá nhân	22.000.000
10	Kinh phí Đề án xác định chỉ số giá giao dịch và chỉ số lượng giao dịch một số loại bất động sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	1.080.000.000

**B- DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU PHÍ, LỆ PHÍ***Đơn vị tính: đồng.*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Để lại đơn vị</b>	<b>Nộp NSNN</b>
1	Phí thẩm định, thẩm tra	420.000.000	210.000.000	210.000.000
2	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	5.000.000		5.000.000
3	Lệ phí cấp chứng chỉ môi giới, định giá BĐS	100.000.000		100.000.000
4	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	65.000.000		65.000.000
5	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	5.000.000		5.000.000
6	Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	50.000.000		50.000.000
7	Lệ phí đăng ký công bố hợp quy	5.000.000		5.000.000
	<b>Tổng số</b>	<b>650.000.000</b>	<b>210.000.000</b>	<b>440.000.000</b>